

# ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH SỚ

## QUYỂN 27

### PHẨM 23: SƯ TỬ HỒNG (PHẦN 5)

Đầu phần này là đoạn hai nói về Định, Tuệ giúp nhau, cũng là Định, Tuệ tức nhau, lẽ ra cũng nên nói là xả, nhưng lược bỏ. Và lại, xả chẳng phải là một pháp riêng, khi Định, Tuệ đồng đẳng thì gọi là xả. Trước là hỏi, sau là đáp.

Ý muốn hỏi: Tuệ có công năng dứt hoặc, thì đâu cần dùng Định. Nêu câu hỏi Thiên, Biệt mà mong được lời đáp Viên dung. Đầu tiên, Bồ-tát Sư Tử Hồng dẫn kinh để hỏi; thật biết chẳng phá ngoại đạo, cũng chẳng phá người hỏi, chỉ là kinh phá Phật làm duyên. Kinh Phật không ngoài bốn giáo; xem nghĩa này thì chính là dùng Viên để phá Biệt, Biệt đã bị phá, thì các giáo khác so sánh có thể biết.

Kế là Phật đáp, đầu tiên nêu phá chung và kế là phá riêng.

Trong phần phá chung có nói rằng: “Nghĩa này chẳng đúng”, thì chỗ nào không bao gồm, hoặc là tà chấp, hoặc là Tiểu thừa giáo, hay Cộng giáo, Tiệm giáo, tất cả đều rơi vào câu “chẳng đúng” này. Nhưng đây chỉ đối trị với những trệ ngại của nội giáo, chứ chẳng phải phá tà học của ngoại đạo.

Kế là Biệt giáo, có hai ý: Một, là dùng phá để phân biệt; hai, là nêu Định, Tuệ viên dung vô cùng. Trong ý thứ nhất có bảy đoạn: Một là y cứ theo không khác; hai là y cứ theo vô hữu; ba là y cứ theo vô sở; bốn là y cứ theo vô khuyết; năm là y cứ theo vô động; sáu là y cứ theo vô năng; bảy là y cứ theo vô tác. Y cứ theo vô dị để phá, vẫn có hai: Một nói về thể đồng, hai là nêu dụ, thể của dụ là đồng.

Vì sao? Vì người mê hoặc đều cho rằng phiền não và trí tuệ như nước và lửa, cần phải tu tập trí tuệ để phá phiền não. Từ Biệt giáo trở xuống đều như thế cả, nên Bồ-tát Sư Tử Hồng mới dùng đó để lập câu hỏi, mong được nghe điều khác lạ. Đức Phật dùng Viên phá Biệt. Thế nào là trí tuệ, thế nào là phiền não? Đó đều là giải và hoặc của pháp

giới, giải và hoặc đồng thể chẳng hai, chẳng khác. Nếu khi mê hoặc thì toàn thể là hoặc, ngoài hoặc không có trí; nếu khi giải ngộ thì toàn thể là Giải thoát, ngoài giải ra thì không có hoặc. Kinh nói phiền não tức Bồ-đề, Bồ-đề tức phiền não. Kinh lại nói ngoài pháp tánh chẳng có pháp, ngoài pháp thì chẳng phải pháp giới. Nếu như thế, thì khi có phiền não, không có trí tuệ, vậy có gì để nói là phá? Nếu có trí tuệ thì không có phiền não, vậy có gì để phá mà nói là trí tuệ hay phiền não? Kinh lại nêu khi sáng thì không tối, khi tối thì không sáng để làm dụ. Pháp Viên giáo này vẫn, lý đều rõ ràng, chẳng nên theo cách giải thích nào khác.

Từ câu: “Ai có trí tuệ? v.v...” trở xuống là ý thứ hai, y cứ theo vô hữu để phá. Văn có hai: Trước vấn hỏi về nhân và pháp, kế là kết luận không có nghĩa phá.

Từ Tam Tạng giáo đến Biệt giáo chẳng thể đạt được pháp giới viên dung, ngã pháp đều quên. Hàng Nhị thừa còn chấp y của ta, bát của ta, Bồ-tát thì còn tu tập trang nghiêm cõi nước, hóa độ chúng sinh, người và ta vẫn còn; trí, đoạn đều đã chứng đắc, như thế thì vẫn còn có “ai”, chưa thể nói là không có “ai”. Đức Phật dùng viên pháp vấn hỏi, chỉ nơi trí tuệ này là phiền não, ai dùng phiền não dứt phiền não; chỉ ngay nơi phiền não này là trí tuệ, ai lại dùng trí tuệ dứt trừ trí tuệ?

Phiền não dứt phiền não còn không có, thì đâu thể có trí tuệ dứt trí tuệ? Vì kết luận như văn trên đã ghi.

Từ câu: “Này Thiện nam! v.v...” trở xuống là ý thứ ba, y cứ theo vô sở để phá. Văn có hai: Trước gồm đến mà chẳng đến, sau gồm kết luận không có nghĩa phá.

Vì sao? Vì trí tuệ là pháp giới, dù cho ra ngoài pháp giới có phiền não, dùng trí tuệ trong pháp giới để phá phiền não ngoài pháp giới, như vậy là đến nơi ấy để phá hay chẳng đến nơi ấy để phá? Nếu chẳng đến nơi của phiền não mà phá được, thì phạm phu chẳng thể đến lẽ ra cũng phá được? Còn đến nơi ấy để phá, thì niệm đầu tiên liền phá hay niệm sau mới phá? Nếu niệm đầu tiên chẳng phá thì niệm sau cũng chẳng thể phá. Vì thế kết luận rằng: “Đến hay chẳng đến đều có thể phá”, thì nghĩa này chẳng đúng. Ngoài pháp giới không có pháp, nên không có nơi chốn.

Từ câu: “lại nữa v.v...” trở xuống, là ý thứ tư, y cứ theo vô khuyết để phá. Trước y cứ theo pháp để chánh phá, sau đó là nêu dụ.

Ý nói trí tuệ là pháp giới, tròn đầy không thiếu sót, trí tuệ tức là giới định, bình đẳng không khác nhau, vậy thì đâu thể cho là ngoài pháp giới mà còn có các duyên phụ để cùng phá phiền não ngoài pháp giới.

Đã không có các duyên phá, thì đơn độc cũng chẳng thể phá. Nêu dụ người mù, dù một người hay nhiều người cũng đều chẳng thấy sắc. Như đơn độc hay gom nhiều duyên cũng đều là nghĩa thiếu sót.

Từ câu: “Này Thiện nam!” v.v... trở xuống là ý thứ năm, y cứ theo vô động để phá. Văn có hai: Trước nêu đồng loại để phá, sau kết luận phá.

Như tánh của bốn đại chẳng thể động chuyển, lại chẳng có một vật nào biến động bốn đại làm cho mất bản tánh của nó. Phiền não cũng như thế, đồng tánh với trí tuệ, tánh của trí tuệ tự dứt, tánh của phiền não cũng tự dứt, vì sao lại dùng đoạn làm năng đoạn để đoạn?

Kế là kết phá. Văn ghi: Tỳ-bà-xá-na chắc chắn chẳng thể phá các phiền não.

Từ câu: “Nếu muốn tánh mạn v.v...” trở xuống là đoạn sáu, y cứ theo vô năng để phá. Văn có bốn: Một là đoạn, hai là buông, ba là đoạn, bốn là buông.

Đầu tiên nêu muối, mật để chuyển người đồng với mình, tức là đoạn; trí tuệ chẳng thể như muối và mật, pháp chẳng diệt, thì trí tuệ chẳng thể gượng diệt, trí tuệ không có công năng dứt hoặc, kể đến là buông.

Dẫn muối hay là vật mặn, nghĩa là buông; Trí tuệ có thể diệt phá, nhưng trí tuệ tự niệm diệt, thì đâu thể khiến pháp khác diệt, như người tự chìm thì đâu có thể vớt được người khác

Thứ ba, Từ câu: “Tất cả pháp v.v...” trở xuống là lại đoạn.

Chính là dùng tánh diệt để đoạn, tức trí là tánh diệt thì chẳng thể khiến cho phiền não diệt.

Thứ tư, từ câu: “Nếu nói v.v...” trở xuống là lại buông.

Nêu lửa đốt búa, chặt tìm chỗ diệt chẳng thể được. Một lần buông đoạn ở trước nói vô thường, khổ, không và duyên tu v.v... trí tuệ tự vô thường thì đâu thể dứt hoặc, rõ ràng sẽ tự thấy. Một lần buông đoạn, sau cất vấn, chẳng thấy nơi chốn của năng đoạn và sở đoạn. Đây là phá biệt hoặc ngoài pháp giới, bị trí đoạn vì sao chẳng thấy nơi chốn, như lửa cháy còn tro, như búa chặt có dấu vết. Nếu chẳng có tro và dấu vết thì không có hoặc để phá; đã không có hoặc thì trí tuệ phá cái gì?

Dùng Viên phá Biệt, văn nghĩa thật rõ ràng.

Từ câu: “Tất cả pháp v.v...” trở xuống là ý thứ bảy, y cứ theo vô tác để phá, cũng gọi là tổng kết các ý trước.

Nói tánh các pháp tự không thì cái gì khiến cho sinh diệt, không có người tạo tác, như thế thì đâu được nói trí tuệ phá phiền não. Từ câu:

“Nếu tu tập định v.v...” trở xuống là đoạn hai, nêu Viên dung vô cùng, Định, Tuệ đều là pháp giới, chẳng phải chỉ có tuệ mới dứt hoặc mà định cũng có thể dứt hoặc.

Văn có bốn ý: Một, là nói Định, Tuệ có đủ trong nhau, cũng đầy đủ tất cả pháp; hai, là nói Định, Tuệ tức nhau, tức tịch mà đoạn, tức đoạn mà tịch; ba, là nói về danh tướng của Định, Tuệ; bốn, là nói về tự tại thích ứng với thời. Bốn đoạn này là ý bốn Tất-đàn, trong đó Định, Tuệ chỉ có Tam-bồ-đề là Đệ nhất nghĩa; ngay nơi tịch mà đoạn là đối trị; Danh tướng của Định, Tuệ là thế giới; hợp thời là vị nhân. Thứ nhất gồm ba ý: Một, là Nơi Định có Tuệ tức là chánh tri kiến.

Hai là Định có đủ các pháp sinh diệt vô thường của thế gian, dẫn chứng kinh.

Ba là đầy đủ Tam-bồ-đề.

Định là pháp giới chứa đựng tất cả, Tuệ và Xả cũng giống như thế.

Từ câu: “Này Thiện nam! v.v...” trở xuống là nói về Định, Tuệ tức nhau, nếu nói giúp nhau thì nghĩ quá sơ lược. Văn có hai đoạn: Trước nói tức Định mà Tuệ, kế là nói tức Tuệ mà Định. Trong văn thứ nhất có nêu tám dụ, dụ cho tức định mà tuệ khéo dứt hoặc; kế là nói hàng phục năm căn, để nói ngay nơi tuệ mà định, thì an ổn ở nơi nguy ách, lợi ích ở nơi giảm tổn.

Nói Ngãi gian (cắt cỏ), Kinh Thi nói: Bạch mao gian hề: Truyện ghi: “Vô khí gian”. Nhĩ nhĩ nói: “Bạch hoa giả gian” (Hoa trắng cỏ hoang); Quách Phác nói: Mao là giống.

Âm là oa, Phương ngôn cho rằng người Quan Tây gọi phủ là oa, như loại nổi ở phương Nam. Người thời gần đây dùng vật này để chứa vàng nấu chảy.

Kế là, văn có hai: Một là chính thức giải thích; hai từ câu: “Này thiện nam! v.v...” trở xuống là nói về công năng, như văn kinh có ghi.

Từ câu: “Định tướng v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói về danh tướng.

Không danh mà có danh, duyên tướng nhất thật mà nói ba tướng. Y cứ ba tướng mà đặt ba tên, danh tướng đều là pháp giới, đầy đủ tất cả pháp. Định mà không có tướng định nên gọi là không, Tuệ thì đạt được pháp thanh tịnh, nên không nguyện cầu; xả thì không còn năng sở nên không có tướng.

Từ câu: “Nếu có Bồ-tát v.v...” trở xuống là đoạn thứ tư, tự tại, hợp thời khéo sử dụng. Văn có hai: trước nói đúng thời và phi thời, sau

là hỏi đáp.

Trong phần đáp có nói về đúng thời và phi thời của ba pháp, tức là tự thực hành bốn Tất-đàn. Nói thọ an vui, v.v... sinh đại ngã mạn thì nên tu định, đó là khéo dùng Vị nhân Tất-đàn; nói tinh tấn v.v... khởi tâm hối hận thì cần phải tu tuệ, đó là khéo tu Đối trị Tất-đàn; hai pháp bình đẳng thì nên xả, tức khéo dùng Đệ nhất nghĩa Tất-đàn; nói khi khởi phiền não thì nên đọc tụng mười hai bộ kinh, thực hành sáu niệm, tức khéo dùng Thế giới Tất-đàn. Kinh nói: “Tu tập ba tướng, nhờ nhân duyên này mà thành tựu Niết-bàn vô tướng”, đã nói nhân duyên tức là khéo tu tất-đàn, từ nhân duyên mà thành tựu Đại Niết-bàn. Lại nói nên tu tập định, tức là môn Hữu, tu tập tuệ tức là môn Không, tu tập xả tức là môn phi hữu phi không, nên tu tập mười hai thể loại kinh, sáu niệm v.v... là môn vừa Không vừa Hữu. Từ nhân duyên bốn môn mà thành Đại Niết-bàn. Lại nên khéo lập bốn Tất-đàn hóa tha, nhưng sợ văn dài dòng nên chẳng nói, người tu hành phải có đầy đủ.

Từ câu: “Nếu có Bồ-tát v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói lực dụng của tu đạo. Văn có hai: Đầu tiên nói về cảm vui mà được Niết-bàn, sau đó nói về lìa khổ chuyển chương. Văn thứ nhất lại có hai: Thứ nhất nói được Niết-bàn.

Kế là nói nghĩa, có hai phen hỏi đáp.

Tu cả ba pháp thì được Đại Niết-bàn, nên phải hỏi về tướng của ba pháp. Văn có hai: Đầu tiên nhắc lại không có mười tướng là Đại Niết-bàn. Đức Phật đáp xong thì đã lãnh hội được, nhưng còn những ý khác thì chưa hiểu, nên mới dùng mười pháp làm câu hỏi.

Khai Thiện gọi các lửa kết sử diệt là diệt độ để dịch từ Niết-bàn; Trang nghiêm lấy ý lìa giác quán là Niết-bàn để bác bỏ Khai Thiện rằng: Trói buộc hết gọi là diệt độ, ràng buộc hết gọi là Niết-bàn, vì sao lại dùng văn nói Tử phược để dịch quả Niết-bàn? Khai Thiện giải thích rằng: Nếu giữ đủ ý của từ Phạm thì Tử phược tận và quả phược tận đều gọi là Giải thoát; hữu dư vô dư diệt đều gọi là diệt độ. Nhưng người dịch kinh khéo dùng từ, nên gọi Tử phược tận là diệt độ, quả phược tận thì giữ nguyên âm là Niết-bàn Giải thoát. Nhưng trong văn này mười lời đáp đều là đáp về viên đức của Niết-bàn, hai sư mỗi vị chấp một câu mà khởi lên tranh luận, tức do giải nghĩa mà sinh phiền não, lại đồng ý với người mù sờ voi.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là hỏi lại.

Đã nghe mười nghĩa, nhưng chưa biết người tu sẽ tu tập mấy pháp để được Đại Niết-bàn.

Kế là từ câu: “Phật đáp v.v...” trở xuống là Đức Phật đáp. Ý đáp là: Mười pháp nói trên chỉ là quả Niết-bàn, quả thì khác nhau, nếu muốn tu hành, phải có đủ mười pháp. Văn gồm ba phần là nêu tên, giải thích và kết luận.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về lìa khổ chuyển chương. Văn có hai ý: Một là nói về nghiệp chương được chuyển; hai nói về đạo đối trị năng chuyển. Có hai phen hỏi đáp: Phen thứ nhất nói về nghiệp bất định, nên chương có thể chuyển; kế là nói về nghiệp bất định nên có thể tu tập chánh đạo. Phen hỏi đáp thứ nhất lại có hai: Trước hỏi về nghiệp thiện, sau hỏi về nghiệp ác. Hỏi về nghiệp thiện có năm câu: Một là nói vô cùng, hai là nói nhất định, ba là nói lại về vô cùng, bốn là nói lại về nhất định, năm là nêu dụ để kết thúc câu hỏi. Thứ nhất lại có ba: Một là khai lời hỏi, hai là lãnh chỉ, ba là kết thành câu hỏi.

Đầu tiên nêu việc Thuần-đà là muốn lập lý do cho lời hỏi.

Từ câu: “Như lời Phật dạy v.v...” trở xuống là lãnh chỉ.

Nói bố thí cho súc sinh được phước gấp một trăm lần, bố thí cho Nhất-xiển-đề phước gấp một ngàn lần, vì súc sinh trước kia gây nhân ác nên nay chịu quả báo thấp hèn; còn Xiển-đề thì nhờ phần nhân đời trước thiện nên nay được quả báo tốt hơn, vì vậy được phước có một trăm, một ngàn khác nhau.

Hỏi: Văn trên nói giết súc sinh thì bị tội nhẹ, còn giết Xiển-đề thì vô tội, ý này thế nào?

Đáp: Súc sinh không có lỗi dứt mất gốc thiện và phỉ báng pháp, còn Nhất-xiển-đề thì có tội này.

Từ câu: “Nếu Thuần-đà v.v...” trở xuống là kết thành câu hỏi.

Từ câu: “Bạch Thế Tôn! v.v...” trở xuống là hỏi về nhất định. Văn có hai: trước là lãnh chỉ.

Kế là chánh thức đặt câu hỏi.

Thứ tư là từ câu: “trong kinh lại nói v.v...” trở xuống là nói lại nhất định.

Thứ năm, từ câu: “A-ni-lâu-đà v.v...” trở xuống là nêu dụ để kết thúc câu hỏi.

Từ câu: “Đức Phật bảo v.v...” trở xuống là ý thứ hai là đáp, trước là khen câu hỏi, sau là trả lời.

Đáp có hai: Đầu tiên là nói về duyên khổ, kế là chánh đáp. Đầu tiên khen ngợi nghiệp lực sâu, là đáp câu hỏi duyên khởi.

Nhưng mười lực của Phật cũng không có hơn kém, chỉ thuận theo

cơ nghi mà nói như thế. Hơn nữa, nghiệp nhẹ hay nặng, định hay bất định đều khó biết, người khác chẳng hiểu nên gọi là Đại.

Từ câu: “Có các chúng sinh v.v...” trở xuống là phần chánh đáp, có bốn ý: Một là khai quyền, hai là hiển thật, ba là giải thích quyền, bốn là giải thích thật. Thứ nhất là khai quyền. Vì người chẳng tin, nên nói là quyết định.

Từ câu: “Các nghiệp tạo ra v.v...” trở xuống là hiển thật. Nghiệp bất đồng có nhẹ và nặng, có định và bất định, đâu được một bề cho là quyết định?

Từ câu: “Hoặc có người v.v...” trở xuống là giải thích Quyền.

Chỉ vì kẻ tà kiến chẳng tin, nên mới nói là quyết định.

Từ câu: “Hoặc có nghiệp nặng v.v...” trở xuống là giải thích Thật, trước nêu người ngu và người trí.

Từ câu: “Tất cả chúng sinh v.v...” trở xuống là ý thứ hai, nêu cả hai chuyển.

Người trí chuyển nặng thành nhẹ, định thành bất định; người ngu chuyển nhẹ thành nặng, bất định thành định.

Nếu như thế v.v...” trở xuống là phen hỏi đáp thứ hai. Nói nghiệp bất định, nên tu tập được chánh đạo.

Ý lời hỏi có hai: Một, là vì nghiệp bất định, thì đâu cần tu phạm hạnh để cầu Niết-bàn? Hai là vì nghiệp thiện bất định, nên cũng đâu cần dùng phạm hạnh để cầu Niết-bàn?

Đức Phật đáp câu hỏi này, văn rất rộng, nghi hoặc được phá rất nhiều, nên chẳng thể chẳng nói tỉ mỉ. Nếu chẳng hiểu thì chẳng thành tựu Nhất hạnh. Cho nên văn này hơi dài. Văn có bốn đoạn: Một là nói nghiệp bất định nên mới tu chánh đạo, hai là nói định nghiệp có nhiều lỗi, ba là nói cả nghiệp định và bất định, bốn là kết luận bất định, nên có tu chánh đạo. Văn thứ nhất lại có hai: Trước là nói về bất định, sau nói về thiện ác lẫn đoạt lẫn nhau. Nói về bất định lại chia làm hai: Trước nói nếu nhất định thì chẳng cần tu tập.

Thứ hai nói vì bất định nên phải tu đạo.

Từ câu: “Nếu xa lìa được v.v...” trở xuống là nói thiện ác lẫn đoạt lẫn nhau.

Vì ác bất định nên có thể làm thiện, vì thiện bất định nên có thể làm ác.

Từ câu: “Nếu tất cả v.v...” trở xuống là thứ hai nói nếu nhất định thì nhiều lỗi, văn có hai đoạn: Trước nói nếu nhất định thì không có tu đạo; kế là nói nếu nhất định thì nhiều lỗi. Thứ nhất lại có hai: Một là sơ



lược; hai, là nói rộng. Sơ lược có hai ý: Một nói nếu nhất định thì không có tu đạo.

Kế là nói nếu chẳng tu đạo thì không Giải thoát.

Từ câu: “Nếu tất cả v.v...” trở xuống là nói rộng, vẫn cũng có hai, trước nói rộng nếu nhất định thì không cần tu tập.

Từ câu: “Nếu xa lìa v.v...” trở xuống là nói rộng nếu không tu tập thì không mong có ngày Giải thoát.

Từ câu: “Nếu tất cả v.v...” trở xuống là ý thứ hai, nói nếu là nhất định thì có nhiều lỗi. Vẫn có hai: Một, là nói lỗi của nghiệp nhất định;

hai, là nói lỗi của người và thời nhất định. Vẫn trước lại chia làm hai: trước nói là có lỗi, thì lẽ ra chỉ tạo một nghiệp thiện hay ác thì mãi mãi được quả thiện hay chịu quả báo ác, không có ngày thiện ác chấm dứt.

Từ câu: “Nếu nghiệp quả v.v...” trở xuống là kết luận nói không có tu đạo.

Từ câu: “Người làm v.v...” trở xuống là ý thứ hai, nói về lỗi nếu người và thời quyết định. Vẫn có hai: Trước nói về lỗi, sau kết luận nói chẳng tu đạo. Thứ nhất lại có hai, đầu tiên nói về lỗi người nhất định.

Nếu nghiệp nhất định thì đường sáu, trời người v.v... sang hèn, đẹp xấu mãi mãi như thế, chẳng thể thay đổi.

Từ câu: “Lúc nhỏ v.v...” trở xuống là nói lỗi của thời gian nhất định.

Nếu lúc nhỏ tạo nghiệp thì lúc nhỏ chịu báo, tuổi tráng niên và tuổi già cũng giống như thế.

Kế là từ câu: “Nếu nghiệp v.v...” trở xuống là kết luận không tu thánh đạo.

Từ câu: “Nghiệp có hai v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói rộng về nghiệp có định và bất định. Vẫn có hai: Trước nêu hai chương, sau là giải thích.

Nghiệp có bốn câu: Một, là báo định, thời bất định; hai là thời định, báo bất định; ba là cả hai đều định; Bốn là cả hai đều bất định. Nay hợp thành hai chương: Báo định, Thời bất định.

Từ câu: “Duyên hợp v.v...” trở xuống là giải thích; Trước là giải thích Báo định, Thời bất định.

Nói Thời bất định tức ở ba thời gian: hiện đời, đời kế và đời sau lẽ ra chịu báo mà chẳng chịu, đây là mãi mãi chẳng thọ, phải là thời bất định. Nói báo định tức các nghiệp báo thiện ác đã có chỉ đợi duyên hợp là thọ, không sai mấy may.

Từ câu: “Nếu tịnh tâm v.v...” trở xuống là chương hai, giải thích



cả hai đều định. Văn có ba: Một là giải thích báo định; hai là thời định; ba là kết luận hai môn. Thứ nhất lại có ba: một, là nói về định nghiệp; hai là nói về bất định; ba là giải thích nghi và chứng chuyển. Thứ nhất nói về định nghiệp: Có bốn trang nghiêm là: tín tâm, hoan hỷ, phát nguyện và cúng dường. Đây là nói dùng bốn việc của nghiệp thiện để trang nghiêm. Nghiệp ác cũng như thế: một là tin ác; hai là hoan hỷ với điều ác; ba là phát nguyện ác; bốn là cung cấp cho ác đảng, lấy đây mà tô điểm cho nghiệp ác.

Từ câu: “Người trí v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói nghiệp này nếu gặp duyên thì chuyển thành bất định. Văn có ba: Một là người trí chuyển nặng thành nhẹ.

Hai, người ngu chuyển nhẹ thành nặng.

Thứ ba kết luận là bất định.

Từ câu: “Bồ-tát Ma-ha-tát v.v...” trở xuống là ý thứ ba giải thích nghi và chứng chuyển.

Sợ chúng sinh nghi khi thấy bậc thánh mà còn đọa vào địa ngục, thì há chẳng phải là định nghiệp hay sao? Nên nay giải thích việc thọ sinh đó chẳng phải là nghiệp của họ, mà là do nguyện lực thọ sinh để độ chúng sinh. Cho nên kết luận rằng: Chẳng phải hiện đời, đời kế tiếp và đời sau sẽ chịu quả báo này.

Nói chứng chuyển, nghĩa là văn trước tuy đã nói ngu trí chuyển nghiệp mà chưa thấy sự chứng ngộ, nên bây giờ nói bậc Thánh vào đường ác giáo hóa chúng sinh. Nếu nghiệp chẳng chuyển thì ở đó cũng vô ích, nếu đã có ích thì biết sẽ chuyển được. Văn có sơ lược và nói rộng.

Từ câu: “Ta nhớ khi xưa v.v...” trở xuống là đoạn hai, giải thích nhất định. Trước giải thích hiện báo, kế là kết luận đời kế và đời sau. Hiện báo lại có hai phần: Trước nói bị Điều-đạt làm hại, tức là hiện báo.

Kế là nói Ca-la-phú làm hại.

Tiểu Bát-nhã ghi là tiên Ca-lợi. Kinh Hiền ngu cũng gọi là Ca-lợi. Thích luận ghi là Ca-lê, chỉ là một người, nhưng dịch âm Phạm khác nhau.

Nói Nhẫn nhục là giới. Theo thứ lớp sáu độ dung nhiếp nhau thì đều chẳng nói Nhẫn là Giới, nay nói Nhẫn là giới là vì sao? Ở đây là nói Giới và nhẫn nương nhau mà thành tựu. Nếu giới bên trong sáng suốt thì bên ngoài thanh tịnh; Nhẫn chỉ là nhẫn đối với sát, đạo, dâm, vọng; còn giới thì ngăn chặn các điều ác này. Vì thế, Nhẫn có năng lực giúp

cho thành tựu giới, cho nên nói Nhẫn là giới. Ở đây nói Nhẫn là pháp giới, đầy đủ tất cả pháp, chẳng thể nói hết, chỉ mới nêu một mối, nên nói Nhẫn là giới. Thuyết văn nói: Tỷ là xẻo mũi; hính là chặt chân.

Từ câu: “Nghiệp thiện sinh báo hậu báo, v.v...” trở xuống là đoạn hai, kết luận hai báo.

Từ câu: “Bồ-tát v.v...” trở xuống là kết luận cả báo và thời nhất định. Văn có hai: một, là song kết; hai, chỉ kết luận về thời. Thứ nhất như văn kinh nói: Nhất-xiển-đề, người phạm bốn giới trọng, năm tội nghịch, không cảm quả báo ở hiện đời và đời sau mà chịu quả báo ở đời kế tiếp. Đó là thời gian và quả báo quyết định. Văn ghi: “Khi được Bồ-đề thì tất cả các nghiệp đều có quả báo ở hiện đời, vì bấy giờ Bồ-tát đã dứt trừ hết tất cả kết hoặc, không còn sinh báo và hậu báo. Chỉ còn một đời nữa là thành Phật, nên nói được hiện báo. Lại có người giải thích rằng: Nói một đời thì đồng với phần đoạn, chẳng gọi là hiện báo, vì tăng thêm một phẩm trí đoạn nên nói là một đời, tuy một đời nhưng vẫn gọi là hiện báo. Có cách giải thích khác: Chỉ có Pháp thân Phật mới có hiện báo này; hoặc giải thích rằng thân Phật thù tích mới hiện báo, tức nói về Ứng thân.

Từ câu: “Nếu nghiệp v.v...” trở xuống là ý thứ hai, chỉ kết luận về thời gian nhất định.

Chính vì thời gian nhất định, nên chỉ được hiện báo, chẳng được sinh báo và hậu báo. Vả lại, tu ba mươi hai tướng chẳng được hiện báo, vì nghiệp này khó thành, là nhân của quả Phật, nên không được quả báo hiện tại.

Từ câu: “Nếu nghiệp v.v...” trở xuống là một câu, giải thích môn bất định.

So sánh với văn trên sẽ tự biết, nên chẳng cần nói nhiều.

Từ câu: “Nếu nói v.v...” trở xuống là đoạn thứ tư, kết luận thành bất định nên có tu Thánh đạo. Văn có hai: đầu tiên kết luận nếu nhất định là sai.

Từ câu: “Tất cả chúng sinh v.v...” trở xuống là kết luận nếu nói bất định là đúng.

“Có hai hạng người v.v...” trở xuống là nói về chuyển chương tu đạo. Văn có ba: một là người chuyển chương; hai là hạnh chuyển chương; ba, là tướng chuyển. Văn thứ nhất lại có hai: Trước là pháp thuyết, kế là nêu mười hai dụ. Hai dụ đầu và cuối thì có hợp, mười dụ giữa không có hợp.

Trong mười dụ này, dụ thứ chín nói không có trực phụ, có hai

thuyết: một, cho rằng cỡi xe đi xa phải chuẩn bị sẵn các trục để ngừa khi trục bị gãy hoặc bị hư, như xe vua có chuẩn bị các con trâu phụ để thay đổi khi mỗi mệt; hai là cho rằng viết lầm, lẽ ra phải ghi là bức trục, tức bánh xe có cãm và trục, nếu muốn cỡi xe thì xe phải có hai bộ phận này.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về hạnh chuyển chướng, có hỏi đáp, phần hỏi có hai là lãnh chỉ và thưa hỏi.

Ý hỏi là: “Vì sao nghiệp nhẹ mà chịu báo nặng, nghiệp nặng mà chịu báo nhẹ?”

Phật đáp có ba ý: Một là nêu ngu trí hai người tạo nghiệp nặng nhẹ khác nhau; hai là gồm có sáu phen; ba, là nêu mười bốn dụ và các tạp dụ khác. Văn thứ nhất có hai: trước nêu người, kế nêu pháp thuyết để nói rộng về tướng trạng.

Nói thân giới tâm tuệ, nếu hợp chung mà nói thì chỉ là giới và tuệ. Như thế tu giới và tuệ có công năng giúp cho nghiệp nặng thành nhẹ. Không tu hai việc này thì khiến nhẹ thành nặng. Nếu phân biệt ra thì nói là tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ. Thân có bảy chi, giới để ngăn ngừa ý, tu tâm tức nhiếp tịnh, tu tuệ tức Bát-nhã.

Bảy thứ tịnh tức bảy chi giới. Chẳng tu tâm tức chẳng tu ba tướng nhập, trụ, xuất; lại chẳng thể quán ba tướng sinh, trụ, diệt là vô sinh, vô trụ, vô diệt. Chẳng tu tuệ tức chẳng tu phạm hạnh, trong phạm hạnh có ba pháp đều lấy tuệ làm chính. Kế là nêu sáu phen.

Nói thân số tức năm ấm, năm căn, bốn đại v.v..., nói hạ giới tức giới gà, giới chó, giới heo, giới trĩ v.v... lại nói vì năm dục cõi trời mà giữ giới cũng gọi là hạ giới. Về giới biên, Hà Tây cho năm giới của ngoại đạo, chẳng phải trong Phật pháp; nội pháp thì gọi là trung, nên gọi ngoại giới là biên. Có chỗ nói cùng tận bờ mé ác trụ (ác dục biên), như giữ giới lạc là tận cùng lạc biên, giữ giới khổ là cùng tận khổ biên, bốn pháp kia cũng như thế.

Ở trên nói Thần lửa, lửa là miệng của trời, nếu dâng cúng cho trời thì chỉ nướng các loài cá, hơi khói này bốc lên, trời sẽ hưởng được hơi này, nên nói là miệng của trời, vả lại ngoại đạo thờ lửa. Lấy lửa làm thầy, lại dùng lửa này cúng dường cho thầy, vì để tôn kính vị thầy nên gọi lửa là miệng trời.

Cuối cùng là phần tạp dụ có nói tơ dâu-la, tức tơ hoa cây dương liễu. Thân là thân tám thước (2m4); tướng là năm bào; nhân là ăn uống; quả là năm giới ở quá khứ cảm thành thân; tụ là năm ấm nhóm hợp,

thân một tức gom chung giả và thật hợp thành một thân; thân tức thân do bốn đại hòa hợp mà thành, thân này là tự thân, thân kia là thân của người khác; lại thân này là thân do nghiệp lực tạo thành, thân kia là di thể; thân diệt tức niệm niệm chẳng dừng; thân bình đẳng, tức quán thân và hư không bình đẳng. Lại nói sáu đường mỗi đường đều có thân, nên nói là “Đẳng”; Thân tu là pháp được tu tập; người tu là người năng tu tập, tức là nhân và pháp. Giới và Tuệ cũng như thế.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói về tướng nghiệp chuyển. Văn có hai phen hỏi đáp. Đầu tiên hỏi: Thế nào là chuyển nhẹ thành nặng; sau hỏi: Thế nào là chuyển nặng thành nhẹ. Lời đáp như văn kinh có ghi.

-----